

Số: 159 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 02 năm 2025.

Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính có mã: 2.000623, 1.001262, 1.001252, 2.000597, 2.000582, 2.000570 được công bố tại Quyết định số 217/QĐ-NHNN ngày 24/02/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Cục KSTTHC - VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4.VQHương,
TTGSNH6. TTMChi ✓

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THAY THẾ LĨNH VỰC THÀNH
LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~159~~ /QĐ-NHNN ngày ~~24~~ tháng ~~01~~ năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục Thủ tục hành chính mới ban hành được thực hiện tại Bộ phận một cửa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1		Thủ tục chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (sau đây gọi là Thông tư số 62/2024/TT-NHNN)	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng

2. Danh mục Thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

STT	TTHC thay thế		TTHC được thay thế		Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã TTHC	Tên TTHC			
1	1.001262	Thủ tục chấp thuận sáp nhập tổ chức tín dụng	2.000623	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc sáp nhập	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng
			1.001262	Thủ tục chấp thuận sáp nhập	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ

							chức lại tổ chức tín dụng
2	2.000597	Thủ tục chấp thuận hợp nhất tổ chức tín dụng	1.001252	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc hợp nhất	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng
			2.000597	Thủ tục chấp thuận hợp nhất	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng
3	2.000570	Thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng	2.000582	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng
			2.000570	Thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý	Thông tư số 62/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1. Thủ tục chấp thuận sáp nhập tổ chức tín dụng

1.1 Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức tín dụng nhận sáp nhập lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc sáp nhập tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc sáp nhập.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc sáp nhập tổ chức tín dụng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc sáp nhập tổ chức tín dụng hết hiệu lực.

- **Bước 6:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 7:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN; sửa đổi, bổ sung Giấy phép

thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

1.2 Cách thức thực hiện:

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- Dịch vụ bưu chính.

1.3 Thành phần hồ sơ:

1.3.1 Hồ sơ chấp thuận nguyên tắc sáp nhập

a) Đơn đề nghị chấp thuận sáp nhập của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

b) Văn bản của tổ chức tín dụng bị sáp nhập ủy quyền cho tổ chức tín dụng nhận sáp nhập thực hiện các công việc liên quan đến việc sáp nhập theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

c) Văn bản của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập báo cáo về việc tuân thủ quy định không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm; hoặc các tài liệu chứng minh việc tuân thủ quy định không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập và các vấn đề khác liên quan đến sáp nhập tổ chức tín dụng;

đ) Đề án sáp nhập theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

e) Hợp đồng sáp nhập đã được cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua và được người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập ký, trong đó phải có các nội dung chủ yếu của hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;

g) Điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập đã được cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua;

h) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Tổ chức tín dụng phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

1.3.2. Hồ sơ chấp thuận sáp nhập

a) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập đề nghị:

(i) Chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ;

- (ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);
- b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) nêu trên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có);
- d) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);
- đ) Văn bản cam kết của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.

1.4 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5 Thời hạn giải quyết: 185 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

1.6 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

1.7 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước

1.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận sáp nhập tổ chức tín dụng; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

1.9 Lệ phí: Không.

1.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị chấp thuận sáp nhập của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

1.11 Yêu cầu, điều kiện:

a) Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- (i) Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm;
- (ii) Có Đề án sáp nhập theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN được cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua;
- (iii) Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập tối thiểu bằng mức vốn pháp định của loại hình tổ chức tín dụng sau sáp nhập theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi sáp nhập, tổ chức tín dụng sau sáp nhập phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.

1.12 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;
- Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT
TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT
TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

.....() đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận nội dung sau đây:*

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng

Sáp nhập ☐

Hợp nhất ☐

B. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng)

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên:

*) Tên tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, tổ chức tín dụng đại diện cho các tổ chức tín dụng bị hợp nhất

- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng cổ phần đang niêm yết)

9. Vai trò của các tổ chức tín dụng trong việc sáp nhập, hợp nhất

(Liệt kê lần lượt đầy đủ các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất)

C. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Lý do sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng

Đ. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập, hợp nhất.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày.... tháng..... năm....

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất

2. Thủ tục chấp thuận hợp nhất tổ chức tín dụng

2.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Tổ chức tín dụng đại diện lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- **Bước 3:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đặt trụ sở chính, nơi tổ chức tín dụng hợp nhất dự kiến đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc hợp nhất tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc hợp nhất;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

- **Bước 4:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc hợp nhất tổ chức tín dụng, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất, tổ chức tín dụng đại diện gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc hợp nhất tổ chức tín dụng hết hiệu lực.

- **Bước 6:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 7: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hợp nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

2.2 Cách thức thực hiện

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- Dịch vụ bưu chính.

2.3 Thành phần hồ sơ

2.3.1 Hồ sơ chấp thuận nguyên tắc hợp nhất

a) Đơn đề nghị chấp thuận hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

b) Văn bản của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ủy quyền cho tổ chức tín dụng đại diện thực hiện các công việc liên quan đến việc hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

c) Văn bản của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất báo cáo về việc tuân thủ quy định không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm; hoặc các tài liệu chứng minh việc tuân thủ quy định không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua Đề án hợp nhất; hợp đồng hợp nhất; dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất; danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các vấn đề khác liên quan đến hợp nhất tổ chức tín dụng;

đ) Đề án hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

e) Hợp đồng hợp nhất đã được cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua và được người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ký, trong đó phải có các nội dung chủ yếu của hợp đồng hợp nhất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 200 Luật Doanh nghiệp;

g) Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất đã được cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua;

h) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Tổ chức tín dụng phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng bị hợp nhất phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

i) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

(i) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành;

(ii) Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác;

k) Danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng hợp nhất;

l) Tài liệu chứng minh việc các nhân sự dự kiến đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng hợp nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.3.2 Hồ sơ chấp thuận hợp nhất

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện đề nghị:

(i) Chấp thuận hợp nhất;

(ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) nêu trên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề khác có liên quan đến việc hợp nhất (nếu có);

đ) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hợp nhất và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;

g) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

h) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

i) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;

k) Văn bản cam kết của tổ chức tín dụng đại diện về việc tổ chức tín dụng hợp nhất đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.

2.4 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5 Thời hạn giải quyết: 185 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

2.6 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2.7 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước

2.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp nhất; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

2.9 Lệ phí: Không.

2.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị chấp thuận hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN.

2.11 Yêu cầu, điều kiện:

a) Tổ chức tín dụng tham gia hợp nhất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm;

(ii) Có Đề án hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN được cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia hợp nhất thông qua;

(iii) Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất tối thiểu bằng mức vốn pháp định của loại hình tổ chức tín dụng hợp nhất theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi hợp nhất, tổ chức tín dụng hợp nhất phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần.

2.12 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;

- Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT
TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT
TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

.....() đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận nội dung sau đây:*

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng

Sáp nhập ☐

Hợp nhất ☐

B. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng)

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên:

^{*)} Tên tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, tổ chức tín dụng đại diện cho các tổ chức tín dụng bị hợp nhất

- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng cổ phần đang niêm yết)

9. Vai trò của các tổ chức tín dụng trong việc sáp nhập, hợp nhất

(Liệt kê lần lượt đầy đủ các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất)

C. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Lý do sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng

Đ. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập, hợp nhất.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày.... tháng..... năm....

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng

3.1 Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý hết hiệu lực.

- **Bước 5:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- **Bước 6:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

3.2 Cách thức thực hiện:

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- Dịch vụ bưu chính.

3.3 Thành phần hồ sơ:

3.3.1 Hồ sơ chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý

a) Đơn đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua Phương án chuyển đổi; dự thảo Điều lệ; danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến chuyển đổi hình thức pháp lý;

c) Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN;

d) Dự thảo Điều lệ tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua;

đ) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Tổ chức tín dụng phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

e) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

(i) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành;

(ii) Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác;

g) Danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

h) Tài liệu chứng minh việc các nhân sự dự kiến đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

i) Tài liệu, thông tin cung cấp cho nhà đầu tư, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây: điều kiện đối với cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý.

3.3.2. Hồ sơ chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị:

(i) Chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;

(ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) nêu trên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

đ) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

g) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát; bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;

h) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

i) Danh sách, mức và tỷ lệ góp vốn của các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

k) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

l) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k nêu trên, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và xác nhận của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;

(ii) Hồ sơ của cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với cổ đông sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.

(iii) Hồ sơ của cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

m) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k nêu trên, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư hoặc giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng vốn;

(ii) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý xác nhận tư cách thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

(iii) Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.

3.4 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.5 Thời hạn giải quyết: 210 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3.6 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng

3.7 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước

3.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

3.9 Lệ phí: Không.

3.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN.

3.11 Yêu cầu, điều kiện:

a) Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải có Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN và được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua.

b) Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Phải có Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN và được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua;

(ii) Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện thực hiện chào bán cổ phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan;

(iii) Cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới;

(iv) Cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

(v) Tổ chức, cá nhân mua cổ phần phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần và quy định về mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác (đối với trường hợp tổ chức mua cổ phần là ngân hàng thương mại).

c) Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Phải có Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN và được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua;

(ii) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới;

(iii) Thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ phần vốn góp.

3.12 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;

- Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục 02

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

..... (*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận nội dung sau đây:

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng

Nội dung chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng.

B. Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý)

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên:

^{*)} Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

- Ngày tháng năm sinh:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng cổ phần đang niêm yết)

C. Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày ... tháng ... năm ...

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

^{*)} Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

4. Thủ tục chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng

4.1 Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

4.2 Cách thức thực hiện:

- Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- Dịch vụ bưu chính.

4.3 Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN đề nghị:

- i) Chấp thuận chuyển đổi loại hình;
- ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các nội dung quy định tại điểm a (ii) nêu trên thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua Phương án chuyển đổi loại hình; Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình và các vấn đề khác liên quan đến chuyển đổi loại hình.

d) Phương án chuyển đổi loại hình theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN.

đ) Điều lệ tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua.

e) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

g) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây (nếu có):

(i) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành;

(ii) Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác.

h) Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về chuyển đổi loại hình theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN.

4.4 Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4.5 Thời hạn giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

4.6 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

4.7 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước

4.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có).

4.9 Lệ phí: Không.

4.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN.

4.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Phải có Phương án chuyển đổi loại hình theo quy định tại Thông tư số 62/2024/TT-NHNN và được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua.

b) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).

c) Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Trường hợp công ty tài chính chuyên ngành chuyển đổi loại hình thành công ty tài chính tổng hợp, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b, c nêu trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình không thấp hơn mức vốn pháp định của loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm liền kề trước năm đề nghị;

(ii) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

(iii) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

(iv) Tuân thủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật liên tục trong các quý của năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình và các quý đến thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

(v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình;

(vi) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng phạm vi hoạt động.

4.12 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;

- Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục 03**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

**TÊN TCTD
PHI NGÂN HÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

..... (*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận các nội dung sau đây:

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Nội dung chuyển đổi loại hình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các nội dung khác đề nghị NHNN chấp thuận (nếu có)

B. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

1. Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình)

4. Năm thành lập

^{*)} Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

5. Thời hạn hoạt động
6. Nội dung hoạt động
7. Người đại diện theo pháp luật
 - Họ và tên:
 - Ngày tháng năm sinh:
 - Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
 - Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):
8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần đang niêm yết)

C. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình

1. Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
 - Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Thời hạn hoạt động
5. Nội dung hoạt động

D. Hồ sơ kèm theo

1.
2.
-

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày ... tháng ... năm ...

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình